

68. KINH NAḶAKAPĀNA

(*Naḷakapāna Sutta*)¹

166. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kosala (Câu-tát-la) tại Naḷakapāna, rừng Palāsa. Lúc bấy giờ, nhiều thiện gia nam tử có thời danh, có danh tiếng, vì lòng tin Thế Tôn, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, như Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Nandiya, Tôn giả Kimbila, Tôn giả Bhagu, Tôn giả Kuṇḍadhāna, Tôn giả Revata, Tôn giả Ānanda và một số thiện gia nam tử có thời danh, có danh tiếng khác.² Lúc bấy giờ, Thế Tôn ngồi ở ngoài trời, có chúng Tỷ-kheo vây quanh. Rồi Thế Tôn, nhân vì các thiện gia nam tử ấy, bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các thiện gia nam tử ấy vì lòng tin Ta, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy có hoan hỷ trong Phạm hạnh không?

Khi được nghe nói vậy, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng. Lần thứ hai... (như trên). Lần thứ ba, Thế Tôn nhân vì các thiện gia nam tử ấy, bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các thiện gia nam tử ấy vì lòng tin Ta, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy có hoan hỷ trong Phạm hạnh không?

Cho đến lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy vẫn giữ im lặng.

167. Rồi Thế Tôn suy nghĩ như sau: “Nay Ta hãy hỏi các thiện gia nam tử ấy.” Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Anuruddha:

– Này Anuruddhā, các ông có hoan hỷ trong Phạm hạnh không?

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con hoan hỷ trong Phạm hạnh.

– Lành thay, lành thay, Anuruddhā! Này Anuruddhā, thật xứng đáng cho các ông, những thiện gia nam tử, vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các ông có hoan hỷ trong Phạm hạnh. Này Anuruddhā, trong khi các ông với tuổi trẻ tốt đẹp (*bhadra*), trong tuổi thanh xuân, với tóc đen nhánh, có thể hưởng thụ các dục lạc, thời các ông, này Anuruddhā, với tuổi trẻ tốt đẹp, trong tuổi thanh xuân, với tóc đen nhánh, lại xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia

¹ Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm* kinh là *Sa-kê-đế tam tộc tánh tử kinh* 娑雞帝三族姓子經 (T.01. 0026.77. 0544b21).

² M. I. 205, 212; III. 155; Vin. II. 128.

đình. Nay Anuruddhā, các ông không vì mệnh lệnh của vua mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Các ông không vì mệnh lệnh của kẻ ăn trộm mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Các ông không vì nợ nần... không vì sợ hãi... Các ông không vì mất nghề sinh sống (*nājīvikāpakata*) mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nhưng có phải với tư tưởng như sau: “Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này” mà các ông, nay Anuruddhā, vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Và xuất gia như vậy, nay Anuruddhā, người thiện gia nam tử cần phải làm gì? Nay Anuruddhā, ly dục, ly bất thiện pháp. Nếu không chứng được hỷ lạc hay một trạng thái khác an tịnh hơn, thời dục tham xâm chiếm (*pariyādāya*) tâm và an trú, sân xâm chiếm tâm và an trú, hôn trầm thụy miên... trạo cử hồi quá... nghi hoặc... bất lạc... giải đãi xâm chiếm tâm và an trú. Nay Anuruddhā, ly dục, ly bất thiện pháp, vị ấy không chứng được hỷ lạc hay một trạng thái khác an tịnh hơn. Nay Anuruddhā, ly dục, ly bất thiện pháp, vị ấy chứng được hỷ lạc hay một trạng thái khác an tịnh hơn, thời dục tham không xâm chiếm tâm và an trú, sân không xâm chiếm tâm và an trú, hôn trầm thụy miên... trạo cử hồi quá... nghi hoặc... bất lạc... giải đãi không xâm chiếm tâm và an trú. Nay Anuruddhā, ly dục, ly bất thiện pháp, vị ấy chứng được hỷ lạc hay một trạng thái khác an tịnh hơn.

168. Nay Anuruddhā, các ông nghĩ về Ta như thế nào? Các lậu hoặc nào liên hệ đến phiền não³ sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thực, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai, các lậu hoặc ấy chưa được Như Lai đoạn trừ. Do vậy, Như Lai sau khi suy tư phân tích,⁴ thọ dụng một pháp; sau khi suy tư phân tích, nhẫn thọ một pháp; sau khi suy tư phân tích, từ bỏ một pháp; sau khi suy tư phân tích, đoạn trừ một pháp?⁵

– Bạch Thế Tôn, chúng con không có nghĩ như vậy về Thế Tôn: “Các lậu hoặc nào liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thực, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai, các lậu hoặc ấy chưa được Như Lai đoạn trừ. Do vậy, Như Lai sau khi suy tư phân tích, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư phân tích, nhẫn thọ một pháp; sau khi suy tư phân tích, từ bỏ một pháp; sau khi suy tư phân tích, đoạn trừ một pháp.” Bạch Thế Tôn, chúng con nghĩ về Thế Tôn như sau: “Các lậu hoặc nào liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thực, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai, các lậu hoặc ấy đã được Như Lai đoạn trừ. Do vậy, Như Lai sau khi suy tư phân tích, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư phân tích, nhẫn

³ Như M. I. 250.

⁴ *Saṅkhāya*. Xem A. II. 143.

⁵ M. I. 7 nói về các phương pháp đối trị các lậu hoặc. 4 đoạn này được dùng kết nối 4 *apassena*. Xem thêm D. III. 224.

thọ một pháp; sau khi suy tư phân tích, từ bỏ một pháp; sau khi suy tư phân tích, đoạn trừ một pháp.”

– Lành thay, lành thay, này Anuruddhā!⁶ Các lậu hoặc liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thực, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai đã được Như Lai đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không thể sanh lại, không thể sanh khởi trong tương lai. Ví như, này Anuruddhā, cây Sa-la, đầu cây đã bị chặt đứt, không thể lớn lên nữa, cũng vậy, này Anuruddhā, các lậu hoặc liên hệ đến phiền não... (như trên)... không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai sau khi suy tư phân tích, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư phân tích, nhả thọ một pháp; sau khi suy tư phân tích, từ bỏ một pháp; sau khi suy tư phân tích, đoạn trừ một pháp.

Này Anuruddhā, các ông nghĩ thế nào? Do thấy mục đích đặc biệt nào, Như Lai giải thích sự tái sanh của các đệ tử đã từ trần, đã mệnh chung, nói rằng: “Vị này tái sanh ở chỗ này, vị này tái sanh ở chỗ kia.”⁷

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các Pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm bậc Lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này. Sau khi được nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.⁸

– Này Anuruddhā, Như Lai không vì mục đích lường gạt quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích lợi lộc, trọng vọng, danh xưng, quyền lợi vật chất, không vì ý nghĩ: “Như vậy quần chúng sẽ biết Ta” mà Như Lai giải thích sự tái sanh của các vị đệ tử đã từ trần, đã mệnh chung, nói rằng: “Vị này tái sanh ở chỗ này, vị này tái sanh ở chỗ kia.” Và này Anuruddhā, có những thiện gia nam tử có tin tưởng với tín thọ cao thượng, với hoan hỷ cao thượng, sau khi được nghe như vậy, sẽ chú tâm trên như thật.⁹ Như vậy, này Anuruddhā, là hạnh phúc, là an lạc lâu đời cho các vị ấy.

169. Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo có nghe: “Tỷ-kheo với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Vị ấy an trú chánh trí.’” Vị Tỷ-kheo ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: “Tôn giả này có giới hạnh như vậy, Tôn giả này có pháp như vậy,¹⁰ Tôn giả này có trí tuệ như vậy, Tôn giả này có an trú như vậy, Tôn giả này có giải thoát như vậy.” Tỷ-kheo ấy khi nhớ đến lòng tin, giới hạnh, đa văn, bố thí và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo có nghe: “Tỷ-kheo với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Sau khi đoạn trừ năm hạ phần

⁶ M. I. 250.

⁷ D. II. 200.

⁸ M. I. 310.

⁹ *Tathatthāya*: Tình trạng như thật.

¹⁰ *Evamāhammo*: Đây chỉ cho *Samādhi* (Định).

kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui ở đời này nữa.” Vị Tỷ-kheo ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: “Tôn giả này có giới hạnh như vậy, Tôn giả này có pháp như vậy... (như trên)... có trí tuệ như vậy... có an trú như vậy, Tôn giả này có giải thoát như vậy.” Tỷ-kheo ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo có nghe: “Tỷ-kheo với tâm như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, vị ấy chứng quả Nhất lai, chỉ phải trở lui đời này một lần nữa rồi sẽ diệt tận khổ đau.’” Tỷ-kheo ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: “Tôn giả này có giới hạnh như vậy... Tôn giả này có giải thoát như vậy.” Tỷ-kheo ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo có nghe: “Tỷ-kheo với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Sau khi diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn chứng được Chánh giác.’” Tỷ-kheo ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: “Tôn giả này có giới hạnh như vậy... Tôn giả này có giải thoát như vậy.” Tỷ-kheo ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo ấy được sống lạc trú.

170. Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni có nghe: “Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Vị ấy an trú chánh trí.’” Vị Tỷ-kheo-ni ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: “Tôn Ni này có giới hạnh như vậy, Tôn Ni này có pháp như vậy, Tôn Ni này có an trú như vậy, Tôn Ni này có giải thoát như vậy.” Tỷ-kheo-ni ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... khi nhớ đến trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni có nghe: “Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui ở đời này nữa.’” Vị Tỷ-kheo-ni ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: “Tôn Ni này có giới hạnh như vậy... Tôn Ni này có giải thoát như vậy.” Tỷ-kheo-ni ấy nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni có nghe: “Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, vị ấy chứng quả Nhất lai, chỉ phải trở lui đời này một lần nữa rồi sẽ diệt tận khổ đau.’” Vị Tỷ-kheo-ni ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: “Tôn Ni này có giới hạnh như vậy... (như trên)... Tôn Ni này có giải thoát như vậy.” Tỷ-kheo-ni ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)...

và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni có nghe: “Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Sau khi diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn chứng được Chánh giác.’” Vị Tỷ-kheo-ni ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: “Tôn Ni này có giới hạnh như vậy... (như trên)... Tôn Ni này có giải thoát như vậy.” Tỷ-kheo-ni ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni ấy được sống lạc trú.

171. Ở đây, này Anuruddhā, nam cư sĩ có nghe: “Nam cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui đời này nữa.’” Vị nam cư sĩ ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: “Tôn giả này có giới hạnh như vậy... có pháp như vậy... có trí tuệ như vậy... có an trú như vậy, Tôn giả này có giải thoát như vậy.” Nam cư sĩ ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, liền chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, nam cư sĩ ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, nam cư sĩ có nghe: “Nam cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, vị ấy chứng quả Nhất lai, chỉ phải trở lui đời này một lần nữa rồi sẽ diệt tận khổ đau.’” Vị nam cư sĩ ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: “Tôn giả này có giới hạnh như vậy... (như trên)... Tôn giả này có giải thoát như vậy.” Nam cư sĩ khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, nam cư sĩ ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, nam cư sĩ có nghe: “Nam cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Sau khi diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn chứng được chánh giác.’” Vị nam cư sĩ ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: “Tôn giả này có giới hạnh như vậy... (như trên)... có giải thoát như vậy.” Tôn giả ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, nam cư sĩ ấy được sống lạc trú.

172. Ở đây, này Anuruddhā, nữ cư sĩ có nghe: “Nữ cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui ở đời này nữa.’” Vị nữ cư sĩ ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: “Nữ cư sĩ này có giới hạnh như vậy... có pháp như vậy... có trí tuệ như vậy... có an trú như vậy, nữ cư sĩ này có giải thoát như vậy.” Nữ cư sĩ ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, liền chú tâm trên sự thật. Như vậy, này Anuruddhā, nữ cư sĩ ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, nữ cư sĩ có nghe: “Nữ cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, vị ấy chứng quả Nhất lai, chỉ phải trở lui đời này một lần nữa, rồi sẽ diệt tận khổ đau.’” Vị nữ cư sĩ ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: “Nữ cư sĩ này có giới hạnh như vậy... (như trên)... nữ cư sĩ này có giải thoát như vậy.” Nữ cư sĩ ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, nữ cư sĩ ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, nữ cư sĩ có nghe: “Nữ cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Sau khi diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn được Chánh giác.’” Vị nữ cư sĩ ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: “Nữ cư sĩ này có giới hạnh như vậy, nữ cư sĩ này có pháp như vậy, nữ cư sĩ này có trí tuệ như vậy, nữ cư sĩ này có an trú như vậy, nữ cư sĩ này có giải thoát như vậy.” Nữ cư sĩ ấy khi nhớ đến lòng tin, giới hạnh, sự đa văn, bố thí và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, nữ cư sĩ ấy được sống lạc trú.

Như vậy, này Anuruddhā, Như Lai không vì mục đích lường gạt quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích được lợi lộc, trọng vọng, danh xưng, quyền lợi vật chất, không vì với ý nghĩ: “Như vậy quần chúng sẽ biết Ta” mà Như Lai giải thích sự tái sanh của các đệ tử đã từ trần, đã mệnh chung, nói rằng: “Vị này tái sanh ở chỗ này, vị này tái sanh ở chỗ kia.” Và này Anuruddhā, có những thiện gia nam tử có tin tưởng, với tín thọ cao thượng, với hoan hỷ cao thượng, sau khi được nghe như vậy, sẽ chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, là hạnh phúc, là an lạc lâu đời cho các vị ấy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Anuruddha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.